

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 32/2025/DSST

Ngày: 14/4/2025.

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Ông Võ Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trâm – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐ-DS ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1987 (có mặt)

Ông Trương Văn B, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Phú Trí A, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyên đơn có tham gia hui do bị đơn làm chủ hui, đây hui mở ngày 18/11/2022 (15/10/2022 âm lịch) đây hui 2.000.000 đồng có 24 phần hui,

nguyên đơn tham gia 02 phần, nguyên đơn hốt hui lần cuối nhưng bị đơn chưa giao tiền hui, dây hui này đã mất. Dây hui mở ngày 07/4/2023 (16/3/2023 âm lịch) dây hui 2.000.000 đồng có 27 phần hui, nguyên đơn tham gia 02 phần, nguyên đơn hốt hui lần thứ 17 nhưng bị đơn chưa giao hui thì đã bể hui. Đến ngày 04/10/2024 giữa nguyên và bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K có chốt nợ hui, bà K thừa nhận còn thiếu nguyên đơn số tiền hui là 148.000.000 đồng, bà Kiều đã trả được 20.000.000 đồng. Yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K, Trương Văn B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị N số tiền nợ hui 128.000.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K trình bày: Nguyên đơn có tham gia hui do bà K làm chủ hui như nguyên đơn trình bày. Thời điểm bà K mở hui giữa bà K và ông B không còn chung sống với nhau nữa, khi bà N chuyển tiền đóng hui vào tài khoản ngân hàng của ông Bền thì bà K rút tiền, lý do bà K sử dụng tài khoản ngân hàng của ông B là do từ năm 2019 ông Bền đã giao số tài khoản ngân hàng do ông B đứng tên cho bà K sử dụng. Việc bà K mở hui và chốt nợ hui với bà N ông B không biết. Bà Nguyễn Thị Mỹ K thừa nhận và đồng ý trả nợ hui cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hui 128.000.000 đồng.

Bị đơn Trương Văn B trình bày: Ông B không biết số tiền nợ hui bà N khởi kiện, số tài khoản ngân hàng đứng tên ông B bà N đã sử dụng tài khoản này từ năm 2019. Ông B có thu tiền hui của bà N năm 2019, còn dây hui năm 2022, 2023 ông B không biết thời gian này ông B và bà K đã ly thân, ông B cũng không có đi thu tiền hui cho bà K năm 2022, 2023. Ngày 04/10/2024 ông B không có kết hui với bà N nên ông B không biết về số tiền này, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị N số tiền nợ hui là 128.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hội 128.000.000 đồng. Do đó căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hội. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Trí A, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt bị đơn Trương Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn Trương Văn B.

[2] Về phần nợ hội: Nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K khai thống nhất nguyên đơn có tham gia hội do bị đơn làm chủ hội, đây hội mở ngày 18/11/2022 (15/10/2022 âm lịch), đây hội mở ngày 07/4/2023 (16/3/2023 âm lịch). Ngày 04/10/2024 chỉ có bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K và nguyên đơn Nguyễn Thị N kết toán với nhau, tổng số tiền nợ hội bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K thiếu nguyên đơn Nguyễn Thị N 148.000.000 đồng, sau đó bà K có trả cho bà N 20.000.000 đồng tiền nợ hội, số nợ hội hiện tại bà K còn nợ bà Nhiên là 128.000.000 đồng. Bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K thừa nhận nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị N số tiền nợ hội là 128.000.000 đồng. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K tự nguyện trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị N số tiền nợ hội là 128.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Trương Văn B cùng có nghĩa vụ trả số tiền hội 128.000.000 đồng cùng với bị đơn Nguyễn Thị Mỹ K, bà N cho rằng số tiền đóng hội bà N chuyển vào số tài khoản 070113447700 mở tại ngân hàng Sacombank đứng tên Trương Văn B. Nhưng bà Nhiên thừa nhận chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng là theo yêu cầu của bà K, sau khi bà N chuyển tiền xong có chụp ảnh lại và gửi cho bà K, hơn nữa bà N cũng không có giấy tờ gì chứng minh ông B cùng với bà K là chủ các đây hội mở vào năm 2022, 2023 mà bà N có tham gia. Mặc dù khi đóng tiền hội bà N có chuyển khoản vào số tài khoản 070113447700 mở tại ngân hàng Sacombank đứng tên Trương Văn B, nhưng bà N biết số tài khoản này bà K đang sử dụng thẻ hiện bà N chụp ảnh chuyển khoản gửi cho bà K, việc chuyển khoản vào tài khoản của ông B nhưng thực chất tài khoản này có phải do ông B sử dụng không. Ngày 04/10/2024 khi bà N và bà K kết nợ hội không có ông B ký tên vào biên nhận nợ hội, và ông B cũng không thừa nhận số tiền nợ hội này nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở xác định đây là số tiền nợ hội chung giữa ông B và K, không đủ cơ sở để buộc ông B cùng với

bà K có trách nhiệm trả nợ hui cho bà N. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 468, 471 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1/ Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ K trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hui là 128.000.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu đồng).

1.2/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3/. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Trương Văn B có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị Mỹ K trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hui.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ K phải chịu 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003467 ngày 17/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang).

3/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

4/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân